

Số: /2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày tháng 3 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Cà Mau

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 836/TTr-VP ngày 09 tháng 3 năm 2026.*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Cà Mau.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định chi tiết chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Cà Mau, bao gồm: nội dung chế độ báo cáo; thời gian chốt số liệu báo cáo; thời hạn gửi báo cáo; phương thức gửi báo cáo định kỳ.

2. Các nội dung quy định chi tiết tại khoản 1 Điều này được thể hiện cụ thể tại các Điều 3, 4, 5 và 6 của Quyết định này.

3. Quyết định này không áp dụng đối với các chế độ báo cáo sau đây:

- Chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê;
- Chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước;
- Chế độ báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các chế độ báo cáo định kỳ.

#### **Điều 3. Nội dung chế độ báo cáo**

1. Chế độ báo cáo định kỳ quy định tại Quyết định này bao gồm các nội dung sau:

- Tên báo cáo;
- Nội dung báo cáo;
- Đối tượng thực hiện báo cáo;

- d) Cơ quan nhận báo cáo;
- e) Phương thức gửi, nhận báo cáo;
- f) Thời hạn gửi báo cáo;
- g) Kỳ báo cáo;
- h) Đề cương, nội dung báo cáo
- i) Thời gian chốt số liệu báo cáo;

2. Đề cương, nội dung báo cáo phản ánh tình hình thực hiện nhiệm vụ, kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới; đề xuất, kiến nghị và các biểu, phụ lục số liệu kèm theo (nếu có).

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo và phương thức gửi báo cáo thực hiện theo quy định tại các Điều 4, 5 và 6 của Quyết định này.

#### **Điều 4. Thời gian chốt số liệu báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ**

1. Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ hằng tuần: Tính từ thứ Tư tuần trước đến thứ Ba tuần báo cáo.

2. Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, hằng năm, cụ thể như sau:

a) Báo cáo định kỳ hằng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo;

b) Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo;

c) Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

d) Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

#### **Điều 5. Thời hạn gửi báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ**

1. Báo cáo định kỳ hằng tuần: Gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước 11 giờ ngày thứ Tư của tuần báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, hằng năm:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã gửi cơ quan được giao tham mưu tổng hợp, xây dựng báo cáo chậm nhất vào ngày 18 của tháng cuối kỳ báo cáo.

b) Sở, ngành tỉnh tổng hợp, xây dựng báo cáo gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 23 của tháng cuối kỳ báo cáo.

#### **Điều 6. Phương thức gửi báo cáo định kỳ**

1. Báo cáo định kỳ gửi qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối với các báo cáo đã được tích hợp trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh thực hiện theo quy định.

3. Đối với các văn bản mật: Gửi văn bản giấy.

### **Điều 7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo**

Sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ, công chức và các tổ chức, cá nhân có liên quan đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo; khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh để cập nhật, tổng hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo, bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định và theo quy trình phối hợp quản lý, khai thác và cập nhật dữ liệu do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026. Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau quy định chế độ báo cáo định kỳ và Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh hết hiệu lực kể từ khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo thuộc phạm vi điều chỉnh theo đúng quy định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### **Nơi nhận:**

- Như Khoản 3 Điều 8;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTT UB MTTQ VN tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng KTTH (Nh50);
- Lưu: VT, M.A510/3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Văn Bi**